

## TIẾT 22

### **Bài 12. BỘI CHUNG. BỘI CHUNG NHỎ NHẤT (Tiết 1)**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Yêu cầu cần đạt**

Nhận biết được các khái niệm mới về bội chung, bội chung nhỏ nhất. Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên.

##### **2. Phát triển năng lực**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm. Biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót; tự giác trong các hoạt động.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: HS biết cách tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số. Rèn kĩ năng tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất trong các bài toán thực tế đơn giản.

### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập, nhiệt tình tham gia các hoạt động nhóm.
- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm, đánh giá công bằng, khách quan.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (3 phút)

a) **Mục tiêu:** Gợi mở đến nội dung cần học về bội chung và bội chung nhỏ nhất.

b) **Nội dung:** ĐVĐ: Mai cần mua đĩa giấy, cốc giấy để chuẩn bị cho một bữa tiệc sinh nhật. Đĩa và cốc được đóng thành từng gói với số lượng mỗi loại khác nhau: gói 4 cái đĩa và gói 6 cái cốc. Cửa hàng chỉ bán từng gói mà không bán lẻ. Mai muốn mua số đĩa và số cốc bằng nhau thì phải mua ít nhất bao nhiêu gói mỗi loại?

c) **Sản phẩm:** HS đưa ra kết quả dự đoán của bản thân.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung ĐVĐ ở đề bài, gọi HS đọc. – GV dẫn dắt vào bài.	1 HS đọc, cả lớp lắng nghe. HS suy nghĩ dự đoán kết quả.

### Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)

#### 1. Bội chung và bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số

a) **Mục tiêu:** Hình thành khái niệm bội chung và bội chung nhỏ nhất.

b) **Nội dung:**

- Thực hiện các HĐ1, HĐ2 và HĐ3.
- HS đọc hộp kiến thức và chú ý, ghi nhớ.
- Đọc nội dung Ví dụ 1, trình bày lời giải.
- Đọc nội dung Ví dụ 2, giải quyết bài toán nêu ở đầu bài học.

**c) Sản phẩm:**

- HĐ1:  $B(6) = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; \dots\}$ ;  $B(9) = \{0; 9; 18; 27; 36; 45; 54; \dots\}$ .
- HĐ2:  $BC(6, 9) = \{0; 18; 36; \dots\}$ .
- HĐ3: Số nhỏ nhất khác 0 trong tập  $BC(6, 9) = 18$ .
- Rút ra khái niệm BC, BCNN: Bội chung của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó. Bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số là số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp các bội chung của các số đó.
- Kí hiệu:  $BC(a, b)$  là tập hợp các bội chung của a và b;  $BCNN(a, b)$  là bội chung nhỏ nhất của a và b.
- Ví dụ 1: Ta có:  $B(4) = \{0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; \dots\}$ ;  
 $B(6) = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; \dots\}$ ;  
 $BC(4, 6) = \{0; 12; 24; \dots\}$ .  
 $BCNN(4, 6) = 12$ .
- Ví dụ 2: Để mua cùng số lượng n cái mỗi loại thì  $n \in BC(4, 6)$ .  
Để mua ít nhất thì  $n = BCNN(4, 6) = 12$ . Vậy bạn Mai có thể mua ít nhất 12 cái mỗi loại hay mua 3 gói đĩa và 2 gói cốc.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"><li>– GV yêu cầu HS thực hiện HĐ1, HĐ2 và HĐ3 theo nhóm vào phiếu bài tập.</li><li>– Nhận xét, đánh giá bài làm, ý thức làm việc nhóm của HS.</li><li>– GV gợi ý hướng dẫn HS rút ra khái niệm BC, BCNN.</li><li>– GV chiếu nội dung hộp kiến thức và chú ý.</li><li>– GV chiếu nội dung đề bài Ví dụ 1.</li><li>+ GV hướng dẫn trình bày lời giải mẫu cho HS.</li></ul> <p><i>Chú ý:</i> <math>x \in BC(a, b)</math> nên <math>x : a, x : b</math>; <math>x \in BC(a, b, c)</math> nên <math>x : a, x : b</math> và <math>x : c</math>.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>– GV chiếu nội dung Ví dụ 2 cùng HS giải quyết bài toán nêu ở đầu bài học.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>HS thực hiện theo yêu cầu GV.</li><li>HS báo cáo chia sẻ.</li><li>HS rút ra kết luận.</li><li>1 HS đọc, cả lớp lắng nghe, ghi nhớ.</li><li>HS quan sát, ghi chép, ghi nhớ.</li><li>HS quan sát, thực hiện theo yêu cầu GV.</li></ul>

**2. Tìm bội chung nhỏ nhất trong trường hợp đặc biệt**

**a) Mục tiêu:** Tìm BCNN trong trường hợp đặc biệt. Nhấn mạnh đến trường hợp đặc biệt  $a : b$  thì  $BCNN(a, b) = a$ .

**b) Nội dung:**

- Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin trong SGK.
- Đưa ra kết luận: (Nhận xét).
- Trả lời nhanh: Tìm BCNN(36, 9).
- Luyện tập 1: Tìm bội chung nhỏ nhất của: a) 6 và 8; b) 8; 9; 72.

**c) Sản phẩm:**

- Nhận xét:
  - + Trong các số đã cho, nếu số lớn nhất là bội của các số còn lại thì BCNN của các số đã cho chính là số lớn nhất đó: *Nếu  $a : b$  thì  $BCNN(a, b) = a$ .*
  - + Mọi số tự nhiên đều là bội của 1. Do đó với mọi số tự nhiên a và b (khác 0), ta có:  $BCNN(a, 1) = a$ ;  $BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b)$ .
- Trả lời nhanh: Vì  $36 : 9$  nên  $BCNN(36, 9) = 36$ .
- Luyện tập 1:
  - a)  $B(6) = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; \dots\}$ ;  
 $B(8) = \{0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; \dots\}$ ;  
 $BC(6, 8) = \{0; 24; \dots\}$ ;  $BCNN(6, 8) = 24$ .
  - b) Vì  $72 : 8$ ;  $72 : 9$  nên  $BCNN(8, 9, 72) = 72$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu thuyết trình giảng cho HS.	HS chú ý lắng nghe.
– GV đưa ra kết luận như trong hộp kiến thức (Nhận xét).	HS lắng nghe, ghi nhớ;
– Dựa vào nhận xét vừa nêu GV yêu cầu HS trả lời nhanh Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.	HS hoạt động cá nhân. HS báo cáo chia sẻ.
– GV yêu cầu 2 HS lên bảng trình bày lời giải ý a) và b) các HS khác tự làm vào vở.	02 HS lên bảng.
Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.	HS nhận xét.

**3. Tìm BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**

**a) Mục tiêu:** Chỉ ra một cách tìm BCNN thông qua sự phân tích ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:**

- Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin trong SGK.

- Đưa ra các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1.
- Trả lời nhanh: Tìm BCNN(9, 15), biết:  $9 = 3^2$  và  $15 = 3 \cdot 5$ .
- Đọc Ví dụ 3, trình bày lời giải.

**c) Sản phẩm:**

- Các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1:
- + Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;
- + Chọn ra các thừa số nguyên tố chung và riêng;
- + Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ lớn nhất. Tích đó là BCNN cần tìm.
- Trả lời nhanh:  $BCNN(9, 15) = 3^2 \cdot 5 = 45$ .
- Ví dụ 3:  $18 = 2 \cdot 3^2$ ;  $24 = 2^3 \cdot 3$ ;  $40 = 2^3 \cdot 5$ .
- $BCNN(18, 24, 40) = 2^3 \cdot 3^2 \cdot 5 = 360$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu thuyết trình giảng cho HS.	HS chú ý lắng nghe.
– GV đưa ra các bước tìm BCNN của hai hay nhiều số lớn hơn 1.	HS lắng nghe, ghi nhớ.
– Dựa vào các bước vừa nêu yêu cầu HS tìm BCNN(9, 15).	HS trả lời.
– GV chiếu nội dung Ví dụ 3, trình bày lời giải mẫu.	HS ghi chép.

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố khái niệm BC, BCNN. Tìm BCNN.

**b) Nội dung:** Bài tập 2.37/SGK tr.53.

**c) Sản phẩm:**

- Bài tập 2.37/SGK tr.53:
- a) BCNN của  $2 \cdot 3^3$  và  $3 \cdot 5$  là:  $2 \cdot 3^3 \cdot 5 = 270$ .
- b) BCNN của  $2 \cdot 5 \cdot 7^2$  và  $3 \cdot 5^2 \cdot 7$  là:  $2 \cdot 3 \cdot 5^2 \cdot 7^2 = 7350$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS hoàn thành Bài tập 2.37/SGK tr.53 vào vở.	HS hoạt động cá nhân. 2 HS lên bảng trình bày.

Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS. Đánh giá khả năng nắm kiến thức của HS.	HS nhận xét bài bạn.
---	----------------------

#### Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về BC, BCNN để giải quyết bài toán thực tiễn.

b) **Nội dung:** Vận dụng (SGK tr.50).

c) **Sản phẩm:**

Vận dụng: Số tháng mà lần tiếp theo hai máy cùng bảo dưỡng là  $BCNN(6, 9) = 18$ . Bây giờ là tháng 5, khi đó tháng 11 sang năm thì hai máy mới cùng bảo dưỡng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành vận dụng. Nhận xét, đánh giá bài. Tán thưởng cho nhóm làm nhanh nhất.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ.

#### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn tập lại kiến thức về BC, BCNN và cách tìm BCNN.

– Làm các Bài tập 2.38; 2.39; 2.40/SGK tr.53.

– Tìm hiểu trước phần “*Tìm bội chung từ bội chung lớn nhất*” và “*Quy đồng mẫu các phân số*”.

## TIẾT 23

### Bài 12. BỘI CHUNG. BỘI CHUNG NHỎ NHẤT (Tiết 2)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Yêu cầu cần đạt

Tìm được bội chung từ bội chung nhỏ nhất. Nhận biết ứng dụng của bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số.

##### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm. Biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: HS xác định đúng đắn động cơ thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác, biết đề xuất, lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Xác định được bội chung từ bội chung nhỏ nhất. Sử dụng được bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu số, cộng trừ các phân số.

### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm khi báo cáo kết quả hoạt động nhóm.
- Nhân ái: Sẵn sàng học hỏi, hòa nhập và giúp đỡ mọi người.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính, các phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: NHIỆM VỤ HỌC TẬP (3 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng cách tìm BCNN trong toán vào thực tiễn.

b) Nội dung: Bài tập 2.39/SGK tr.53.

c) Sản phẩm:  $a = \text{BCNN}(28, 32)$ .

$$28 = 2^2 \cdot 7; 32 = 2^5.$$

Vậy  $a = \text{BCNN}(28, 32) = 224$ .

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS lên hoàn thành Bài tập 2.39/SGK tr.53 (BTVN).	1 HS lên bảng thực hiện.
– Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.	HS nhận xét.

### Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

#### 1. Tìm bội chung từ bội chung nhỏ nhất

a) Mục tiêu: Chỉ ra một cách tìm BC từ BCNN.

b) Nội dung:

- Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin trong SGK.
- Đưa ra các bước tìm BC từ BCNN.
- Trả lời: Biết bội chung nhỏ nhất của 8 và 6 là 24. Tìm các bội chung nhỏ hơn 100 của 8 và 6.
- Đọc Ví dụ 4, trình bày lời giải.

**c) Sản phẩm:**

- Để tìm bội chung của các số đã cho ta có thể làm như sau:
  - + Tìm BCNN của các số.
  - + Tìm các bội của BCNN đó.
- Trả lời: Vì  $BCNN(8, 6) = 24$ .  $BC(8, 6) = \{0; 24; 48; 72; 96; 120; 144; \dots\}$ .
- Vậy các bội chung nhỏ hơn 100 của 8 và 6 là 0; 24; 48; 72; 96.
- Ví dụ 4: Ta có:  $BCNN(18, 24, 40) = 360$ .

$$BC(18, 24, 40) = \{0; 360; 720; 1080; \dots\}.$$

Vậy nên bội chung nhỏ hơn 900 của 18; 24 và 40 là 0; 360; 720.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> <li>– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu thuyết trình giảng cho HS.</li> <li>– GV chiếu các bước tìm BC từ BCNN.</li> <li>– Dựa vào các bước vừa nêu GV yêu cầu HS trả lời bài tập.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS chú ý lắng nghe.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận xét, đánh giá bài làm của HS.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS lắng nghe, ghi nhớ.</li> <li>HS hoạt động cá nhân.</li> <li>HS báo cáo chia sẻ.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>– GV chiếu nội dung Ví dụ 4, trình bày lời giải mẫu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS ghi chép.</li> </ul>

**2. VẬN DỤNG BCNN ĐỂ TÌM MẪU CHUNG CỦA HAI PHÂN SỐ**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng cách tìm BCNN để quy đồng mẫu hai phân số. Vận dụng việc quy đồng mẫu nhờ BCNN để thực hiện phép cộng và trừ phân số.

**b) Nội dung:**

- Đọc hiểu – Nghe hiểu thông tin trong SGK.
- Trả lời: Quy đồng mẫu hai phân số:  $\frac{7}{9}$  và  $\frac{4}{15}$ .
- Đọc Ví dụ 5, trình bày lời giải. Đọc Ví dụ 6, trình bày lời giải.

**c) Sản phẩm:**



– Trả lời: Ta có  $9 = 3^2$ ;  $15 = 3 \cdot 5$  nên  $BCNN(9,15) = 3^2 \cdot 5 = 45$ .

$$\frac{7}{9} = \frac{7 \cdot 5}{9 \cdot 5} = \frac{35}{45}; \quad \frac{4}{15} = \frac{4 \cdot 3}{15 \cdot 3} = \frac{12}{45}.$$

– Ví dụ 5: Ta có  $6 = 2 \cdot 3$ ;  $8 = 2^3$ ;  $9 = 3^2$  nên  $BCNN(6, 8, 9) = 2^3 \cdot 3^2 = 72$ .

$$\frac{3}{8} = \frac{3 \cdot 9}{8 \cdot 9} = \frac{27}{72}; \quad \frac{5}{9} = \frac{5 \cdot 8}{9 \cdot 8} = \frac{40}{72}; \quad \frac{1}{6} = \frac{1 \cdot 12}{6 \cdot 12} = \frac{12}{72}.$$

– Ví dụ 6:

a) Ta có  $4 = 2^2$ ;  $6 = 2 \cdot 3$  nên  $BCNN(4, 6) = 2^2 \cdot 3 = 12$ .

$$\frac{1}{4} = \frac{1 \cdot 3}{4 \cdot 3} = \frac{3}{12}; \quad \frac{1}{6} = \frac{1 \cdot 2}{6 \cdot 2} = \frac{2}{12}.$$

Vậy  $\frac{1}{4} + \frac{1}{6} = \frac{3}{12} + \frac{2}{12} = \frac{5}{12}$ .

b) Ta có  $8 = 2^3$ ;  $12 = 2^2 \cdot 3$  nên  $BCNN(8, 12) = 2^3 \cdot 3 = 24$ .

$$\frac{11}{12} = \frac{11 \cdot 2}{12 \cdot 2} = \frac{22}{24}; \quad \frac{3}{8} = \frac{3 \cdot 3}{8 \cdot 3} = \frac{9}{24}.$$

Vậy  $\frac{11}{12} - \frac{3}{8} = \frac{22}{24} - \frac{9}{24} = \frac{13}{24}$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> <li>– GV chiếu nội dung Đọc hiểu – Nghe hiểu thuyết trình giảng cho HS.</li> <li>– GV kiểm tra độ hiểu bài bằng cách yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau phần đọc – hiểu.</li> <li>– GV chiếu nội dung Ví dụ 5, trình bày lời giải mẫu.</li> </ul> <p>GV đưa ra chú ý: <i>Có thể chọn một bội chung khác 0 bất kì của các mẫu làm mẫu chung. Tuy nhiên, người ta thường lấy bội chung nhỏ nhất làm mẫu chung.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– GV chiếu nội dung Ví dụ 6, trình bày lời giải mẫu ý a). Gọi HS lên trình bày ý b).</li> <li>– GV nhận xét đánh giá, hình thành được kỹ năng trình bày bài tập, sự cẩn thận trong tính toán của HS.</li> </ul>	<p>HS chú ý lắng nghe. HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ.</p> <p>HS ghi chép. HS lắng nghe ghi nhớ. HS ghi chép.</p> <p>1 HS lên bảng.</p> <p>HS nhận xét.</p>

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố cách tìm BC từ BCNN. Vận dụng việc quy đồng mẫu nhờ BCNN để thực hiện phép cộng và trừ phân số.

**b) Nội dung:**

– Luyện tập 2: Tìm bội chung nhỏ nhất của 15 và 54. Từ đó, hãy tìm các bội chung nhỏ hơn 1 000 của 15 và 54.

– Luyện tập 3: (1) Quy đồng mẫu các phân số sau:

$$\text{a) } \frac{5}{12} \text{ và } \frac{7}{15}; \quad \text{b) } \frac{2}{7}; \frac{4}{9} \text{ và } \frac{7}{12}.$$

**c) Sản phẩm:**

– Luyện tập 2:

$$15 = 3 \cdot 5; 54 = 3^3 \cdot 2 \text{ nên BCNN}(15, 54) = 3^3 \cdot 2 \cdot 5 = 270.$$

$$B(270) = \{0; 270; 540; 810; 1080; 1350; \dots\}.$$

$$BC(15, 54) = \{0; 270; 540; 810; 1080; 1350; \dots\}.$$

Vậy các bội chung nhỏ hơn 1 000 của 15 và 54 là 0; 270; 540; 810.

– Luyện tập 3: (1) Quy đồng mẫu các phân số.

a) Ta có:  $12 = 2^2 \cdot 3; 15 = 3 \cdot 5$  nên  $BCNN(12, 15) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 = 60$ .

$$\frac{5}{12} = \frac{5 \cdot 5}{12 \cdot 5} = \frac{25}{60}; \quad \frac{7}{15} = \frac{7 \cdot 4}{15 \cdot 4} = \frac{28}{60}.$$

b) Ta có:  $7 = 7; 9 = 3^2; 12 = 2^2 \cdot 3$  nên  $BCNN(7, 9, 12) = 7 \cdot 2^2 \cdot 3^2 = 252$ .

$$\frac{2}{7} = \frac{2 \cdot 36}{7 \cdot 36} = \frac{72}{252}; \quad \frac{4}{9} = \frac{4 \cdot 28}{9 \cdot 28} = \frac{112}{252}; \quad \frac{7}{12} = \frac{7 \cdot 21}{12 \cdot 21} = \frac{147}{252}.$$

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV yêu cầu HS hoàn thành Luyện tập 2 vào vở. Nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của HS.</p> <p>– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành Luyện tập 3 mục (1). Nhận xét, đánh giá bài làm, ý thức làm việc nhóm, sự cẩn thận trong tính toán của HS. Tán thưởng cho nhóm làm đúng và nhanh nhất.</p> <p>– GV yêu cầu HS về nhà làm Luyện tập 3 mục (2) theo mẫu là Ví dụ 6.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân. 1 HS lên bảng trình bày. HS nhận xét bài bạn. HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ. HS chú ý lắng nghe.</p>

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** Phát triển khả năng suy luận cho HS.

**b) Nội dung:**

Lịch xuất bến của một số xe buýt tại bến xe Mỹ Đình (Hà Nội) được ghi ở bảng sau.

Bến xe Mỹ Đình	
Số xe	Thời gian
Xe 16	15 phút/chuyến
Xe 34	9 phút/chuyến
Xe 30	10 phút/chuyến

Giả sử các xe buýt xuất bến cùng lúc vào 10 giờ 35 phút. Hỏi vào các thời điểm nào trong ngày (từ 10 giờ 35 phút đến 22 giờ) các xe buýt này lại xuất bến cùng một lúc?

c) **Sản phẩm:** Ta có  $BCNN(15, 9, 10) = 90$ .

Vậy cứ sau 90 phút thì ba xe lại xuất bến cùng một lúc.

Từ 10h35 đến 22h các xe xuất bến cùng lúc vào các giờ: 12h05; 13h35; 15h05; 16h35; 18h05; 19h35; 21h05.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
– GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành thử thách nhỏ. Nhận xét, đánh giá bài làm, khả năng tư duy suy luận, ý thức làm việc nhóm. Tán thưởng cho nhóm làm đúng và nhanh nhất.	HS hoạt động nhóm. HS báo cáo chia sẻ.

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại kiến thức về cách tìm BC từ BCNN, quy đồng mẫu các phân số.
- Làm Luyện tập 3 mục (2) và các bài tập 2.36; 2.42; 2.43; 2.44/SGK tr.48.
- Đọc phần “Em có biết”.
- Tìm hiểu trước *Luyện tập chung*.